

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG NINH,  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. LÊ BẢO**

Phản biện 1: **TS. NGUYỄN THANH LIÊM**

Phản biện 2: **TS. NGUYỄN HỮU DŨNG**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 02 năm 2014

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế trang trại ở nước ta đã hình thành từ lâu, nhưng phải tới mấy năm gần đây mới phát triển mạnh mẽ. Thực tế cho thấy mô hình Kinh tế trang trại đem lại lợi ích to lớn cả về kinh tế và xã hội cho nông dân và nông thôn do sử dụng có hiệu quả nguồn lợi đất đai, tạo nhiều việc làm cho người lao động, hình thành các mô hình sản xuất mới.

Những năm qua, mô hình kinh tế trang trại đã hình thành và phát triển ở Huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã khuyến khích các hộ gia đình mạnh dạn đầu tư, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp. Là địa phương có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế trang trại tuy nhiên kinh tế trang trại phát triển còn gặp nhiều khó khăn do sản phẩm làm ra chưa đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ, giá cả hàng hóa nông sản bấp bênh. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách cho phát triển kinh tế trang trại ở Quảng Bình nói chung và Quảng Ninh nói riêng vẫn chưa đồng bộ và chưa phát huy hiệu quả. Các chủ trang trại vẫn thiếu sự hỗ trợ về vốn, giống và quy trình chăm sóc, khai thác, chất lượng lao động còn thấp, thiếu các mối liên kết và hỗ trợ quản lý... Do đó cần có những giải pháp đồng bộ phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương để thúc đẩy sự phát triển của mô hình kinh tế này. Vì vậy, đề tài "***Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình***" được lựa chọn nghiên cứu để tìm ra những hướng đi thích hợp nhằm giải quyết những vấn đề còn tồn tại, tận dụng thế mạnh, tiềm năng của để khai thác hợp lý các nguồn lực, để kinh tế trang trại góp phần quan trọng vào việc tăng thu nhập cho các hộ nông dân, góp phần chung vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kinh tế trang trại và

phát triển kinh tế trang trại

- Phân tích thực trạng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển có hiệu quả kinh tế trang trại tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **a. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là vấn đề phát triển kinh tế trang trại tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

#### **b. Phạm vi nghiên cứu**

+ Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu về quy mô, cơ cấu, loại hình, kết quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả kinh tế... của các mô hình kinh tế trang trại có trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

+ Về không gian: Nội dung nghiên cứu trên được tiến hành tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

+ Về thời gian: Số liệu đánh giá thực trạng được thu thập từ năm 2010-2012, ngoài ra tham khảo số liệu từ 2002-2009. Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong những năm đến.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp phân tích thực chứng

Phương pháp phân tích chuẩn tắc

Phương pháp phân tích tổng hợp

Phương pháp phân tích so sánh

Phương pháp phân tích thống kê

### **5. Bố cục của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn gồm 3 chương như sau:

**Chương 1:** Một số vấn đề lý luận về phát triển kinh tế trang trại

**Chương 2:** Thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

**Chương 3:** Một số giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở

huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

## **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Nghiên cứu “Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế trang trại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”. Tác giả Nguyễn Thành Nam, năm 2008.

Nghiên cứu “ Một số giải pháp phát triển kinh tế trang trại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam”.

Nghiên cứu “ Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hoà Nhon, tỉnh Bình Định”.

“Chương trình phát triển kinh tế trang trại và vùng gò đồi giai đoạn 2007-2010, định hướng đến 2015”

“Mô hình sản xuất nông nghiệp nào phù hợp với cơ chế thị trường và quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá ở nước ta hiện nay”

Hội thảo “Phát triển trang trại và vai trò của kinh tế trang trại trong nền kinh tế quốc dân”.

## **CHƯƠNG 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN**

#### **KINH TẾ TRANG TRẠI**

#### **1.1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI**

##### **1.1.1. Trang trại và Kinh tế trang trại**

###### ***a. Trang trại***

Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất cơ sở trong nông, lâm, ngư nghiệp, có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hoá, tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của chủ thể độc lập. Sản xuất được tiến hành trên qui mô ruộng đất và các yếu tố sản xuất được tập trung tương đối lớn, với cách thức tổ chức quản lý tiến bộ và trình độ kỹ thuật cao, hoạt động tự chủ và luôn gắn với thị trường.

###### ***b. Kinh tế trang trại***

Kinh tế trang trại là loại hình kinh tế sản xuất hàng hóa phát triển trên cơ sở kinh tế hộ nhưng ở quy mô lớn hơn, được đầu tư nhiều

hơn về cả vốn và kỹ thuật, có thể thuê mướn nhân công để sản xuất ra một hoặc vài loại sản phẩm hàng hóa từ nông nghiệp với khối lượng lớn cho thị trường.

### ***c. Phát triển Kinh tế trang trại***

Phát triển kinh tế trang trại là sự gia tăng thực tế giá trị sản lượng hàng hóa nông sản sản xuất ra hay thu nhập trên trang trại trong một thời kỳ nhất định.

#### **1.1.2. Đặc trưng của Kinh tế trang trại**

**a. Sản xuất hàng hóa mang tính nông nghiệp:** KTTT chủ yếu là sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nông, lâm và ngư nghiệp đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu của thị trường.

**b. Trình độ chuyên môn hóa, tập trung hóa:** Quy mô sản xuất, vốn đầu tư, trang thiết bị, lao động... lớn hơn nhiều so với kinh tế hộ và tạo ra khối lượng hàng hóa nhiều. Mặt khác muốn đạt lợi nhuận cao thì phải tập trung hóa và chuyên môn hóa.

**c. Trình độ áp dụng khoa học – kỹ thuật:** Đầu tư trang bị và áp dụng những kỹ thuật mới cho việc sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm để có sức cạnh tranh trên thị trường.

**d. Môi quan hệ với thị trường:** Chủ trang trại phải luôn tìm hiểu, nghiên cứu thị trường trong và ngoài vùng, từ đó xác định được nhu cầu của thị trường để có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp với trang trại của mình.

**e. Chủ trang trại là nhà kinh doanh:** Chủ trang trại là người có đầu óc tổ chức kinh doanh, biết hạch toán lỗ, lãi, có khao khát và tham vọng làm giàu

#### **1.1.3. Vai trò, ý nghĩa của việc phát triển kinh tế trang trại**

##### ***a. Về mặt kinh tế***

- Phát triển kinh tế trang trại sẽ làm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp
- Phát triển KTTT đẩy nhanh quá trình CNH - HĐH nông

ngành nông thôn

**b. Về mặt xã hội**

- Phát triển kinh tế trang trại góp phần giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nông thôn

- Phát triển KTTT thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn

**c. Về mặt môi trường**

Phát triển kinh tế trang trại góp phần khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên đất, nước, rừng có hiệu quả. Trang trại góp phần tăng nhanh diện tích rừng che phủ, đa dạng hóa sinh học thông qua trồng và bảo vệ rừng.

**1.1.4. Phân loại Kinh tế trang trại và Tiêu chí xác định KTTT**

**a. Phân loại Kinh tế trang trại**

Theo các hình thức tổ chức quản lý:

Theo cơ cấu sản xuất:

**b. Tiêu chí xác định Kinh tế trang trại**

Theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN&PTNT ngày 13/4/2011 Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thỏa mãn điều kiện sau:

1. Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, SX tổng hợp phải đạt:

a) Có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu:

- 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long;

- 2,1 ha đối với các tỉnh còn lại.

b) Giá trị sản lượng hàng hóa đạt 700 triệu đồng/năm.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên;

3. Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích tối

thiếu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt 500 triệu đồng/năm trở lên.

## **1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI**

### **1.2.1. Phát triển số lượng trang trại**

Đó là việc gia tăng giá trị tổng sản lượng và sản lượng hàng hóa nông sản bằng cách tăng tuyệt đối số lượng các trang trại.

Các tiêu chí đánh giá sự phát triển về số lượng trang trại:

- Số lượng trang trại tăng qua các năm
- Tốc độ tăng của số lượng các trang trại
- Số lượng trang trại tăng của từng ngành, từng khu vực, từng địa phương, từng lĩnh vực sản xuất.

### **1.2.2. Gia tăng các yếu tố nguồn lực**

Gia tăng các yếu tố nguồn lực của trang trại là việc làm tăng năng lực sản xuất của từng của từng trang trại thông qua các yếu tố nguồn lực gồm:

*Nguồn lực đất đai:* Nâng cao nguồn lực đất đai thông qua việc tích tụ và tập trung ruộng đất

*Nguồn nhân lực:* Nâng cao kiến thức và khả năng lao động của chủ trang trại, xây dựng tác phong công nhân nông nghiệp cho người lao động hoạt động sản xuất kinh doanh trong các trang trại

*Nguồn lực tài chính:* Nâng cao khả năng huy động vốn và khả năng tự tài trợ của trang trại

*Nguồn lực về khoa học - công nghệ:* Nâng cao trình độ khoa học công nghệ, khả năng tiếp cận máy móc thiết bị, công nghệ tiến tiến vào sản xuất kinh doanh

*Các điều kiện cơ sở vật chất:* Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa nông sản



### **1.2.3. Liên kết sản xuất các trang trại**

Liên kết sản xuất các trang trại thông qua các hình thức:

*Liên kết ngang:* Là liên kết giữa các trang trại trong cùng một ngành.

*Liên kết dọc:* Là liên kết giữa các trang trại với các cơ sở tiêu thụ nông sản làm ra của các trang trại.

Hiệp hội: Đây là hình thức liên kết quan trọng các các tổ chức nang tính chất hiệp hội phát triển kinh tế thị trường.

### **1.2.4. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của các trang trại**

#### **a. Phát triển thị trường về địa lý**

Phát triển thị trường về địa lý là việc mở rộng thị trường ở nhiều nơi để có thêm thị trường mới, làm cho thị phần của trang trại ngày càng tăng. Hay nói cách khác, phát triển thị trường về địa lý là việc gia tăng số lượng khách hàng tiêu thụ sản phẩm của trang trại trên diện rộng. Từ đó, các trang trại mới tự khẳng định vai trò của mình trên thị trường và trong xã hội

#### **b. Phát triển thị trường về sản phẩm**

Các tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường của trang trại là:

- Thị phần của trang trại qua các năm
- Chủng loại nông sản hàng hóa của trang trại
- Chất lượng nông sản hàng hóa tăng qua các năm

### **1.2.5. Gia tăng kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại**

Các tiêu chí đánh giá việc nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh trang trại gồm các tiêu chí sau:

- Số lượng và giá trị sản lượng của từng năm;
- Mức tăng và tốc độ tăng của sản lượng qua các năm;

- Sản phẩm hàng hoá và giá trị sản phẩm hàng hoá qua các năm;
- Mức tăng và tốc độ tăng của sản phẩm hàng hoá, giá trị sản phẩm qua các năm.
- Thu nhập của người lao động qua các năm và mức tăng, tốc độ tăng thu nhập của người lao động.
- Tích lũy của các trang trại qua các năm.

### **1.2.6. Các tiêu chí đánh giá sự phát triển của kinh tế trang trại**

#### ***a. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả sản xuất***

- + GO (Tổng giá trị sản xuất):  $GO = \sum P_i * Q_i$
- + VA (Giá trị gia tăng, thu nhập):  $VA = GO - IC$
- + IC (chi phí trung gian):  $IC = \sum C_i$

#### ***b. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất***

- + Hiệu quả sản xuất/ chi phí (  $GO/IC$  )
- + Tỷ suất giá trị gia tăng (  $VA/IC$  )
- + Hiệu quả sử dụng đất (  $GO/$  ha canh tác)
- + Hiệu quả sử dụng lao động, năng suất lao động: Thu nhập/Lao động

## **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI**

### **1.3.1. Điều kiện tự nhiên**

Mỗi yếu tố của tự nhiên tạo nên các đặc điểm riêng và có vai trò quan trọng để khai thác các nguồn lực này trong phát triển nông nghiệp. Nhân tố tự nhiên có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế trang trại gồm:

- + *Vị trí địa lý*
- + *Địa hình, thổ nhưỡng*
- + *Thời tiết, thủy văn.*

### **1.3.2. Điều kiện xã hội**

*a. Dân số*

*b. Lao động*

*b. Truyền thống văn hóa*

### **1.3.3. Điều kiện kinh tế**

*a. Chính sách của Nhà nước*

*b. Vốn đầu tư*

*c. Thị trường*

*d. Cơ sở vật chất*

*e. Khoa học công nghệ*

*f. Trình độ của chủ trang trại và các yếu tố khác.*

## **1.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở VIỆT NAM**

### **CHƯƠNG 2**

#### **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG NINH**

#### **2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HUYỆN QUẢNG NINH ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI**

##### **2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên**

*a. Vị trí địa lý*

Huyện Quảng Ninh có vị trí địa lý từ 17<sup>0</sup>04' đến 17<sup>0</sup>26' vĩ độ Bắc và từ 106<sup>0</sup>17' đến 106<sup>0</sup>48' độ kinh Đông, là nơi hẹp nhất nước Việt Nam với chiều dài theo đường chim bay khoảng 50 km, có ranh giới:

- Phía Bắc giáp huyện Bố Trạch và thành phố Đồng Hới;
- Phía Nam giáp huyện Lệ Thủy;
- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.

*b. Địa hình, thổ nhưỡng*

*Địa hình:* Huyện Quảng Ninh nằm ở sườn Đông của dãy Trường Sơn, nghiêng từ Tây sang Đông. Toàn huyện có thể phân chia thành bốn dạng địa hình chính:

*Thổ nhưỡng:* Toàn huyện có 5 nhóm đất chủ yếu, gồm: Nhóm đất đỏ vàng, Nhóm đất phù sa cổ, Nhóm đất mặn, đất phèn và glây (lầy thụt), Nhóm đất cát ven biển, Đất bạc màu.

*Về diện tích:* Tổng diện tích tự nhiên huyện Quảng Ninh (theo số liệu năm 2012) là 1.191,692 km<sup>2</sup>. Trong số 15 xã, thị trấn của huyện, xã Trường Sơn có diện tích tự nhiên lớn nhất là 774,279 km<sup>2</sup> chiếm 64,98%, thị trấn Quán Hàu có diện tích nhỏ nhất 3,267 km<sup>2</sup>, chiếm 0,27%.

### ***c. Khí hậu***

Quảng Ninh nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam. Nhiệt độ bình quân 24,5 - 25°C, lượng mưa bình quân khoảng 2.100 - 2.200 mm, mỗi năm có 2 mùa rõ rệt.

### ***d. Đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đối với phát triển KTTT***

- Vị trí địa lý trong phát triển kinh tế:
- Lợi thế và hạn chế về quỹ đất và tài nguyên rừng.

#### **2.1.2. Tình hình kinh tế**

##### ***a. Cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện Quảng Ninh***

Huyện đã phấn đấu tích cực, huy động mọi nguồn lực để cải tạo kết cấu hạ tầng. Đến nay hạ tầng cơ sở của huyện khá tốt.

##### ***b. Tình hình kinh tế của huyện***

*Bảng 2.3: Tốc độ tăng giá trị sản xuất, cơ cấu của các ngành kinh tế của huyện Quảng Ninh qua các năm (tính theo giá hiện hành)*

*(ĐVT: triệu đồng)*

Ngành kinh tế	2008	2009	2010	2011	2012	Tốc độ tăng BQ(%)
CN - XD	206.273	391.127	460.065	583.342	676.229	26,80
TM-Dịch vụ	332.150	395.581	516.370	651.252	758.292	17,95
Nông-Lâm-TS	521.600	550.543	595.992	809.637	860.075	10,52
Nông nghiệp	409.097	429.930	464.112	654.877	663.191	10,14
Lâm nghiệp	24.238	25.789	36.498	44.532	55.064	17,83
Thủy sản	88.265	94.824	95.382	110.228	141.820	9,95
Tổng số	1.060.023	1.337.251	1.572.427	2.044.231	2.294.596	16,70

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Quảng Ninh năm 2008-2012*

Trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2012, giá trị sản xuất của huyện liên tục tăng với tốc độ khá. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng ngày càng giảm tỉ lệ giá trị sản xuất nông nghiệp, duy trì và tăng tỉ lệ giá trị sản xuất công nghiệp, sản xuất thương mại và dịch vụ.

***c. Đánh giá tác động của tình hình kinh tế huyện Quảng Ninh đến phát triển kinh tế trang trại***

Nhà nước, tỉnh và địa phương đã đầu tư cho hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, huyện Quảng Ninh đã có những điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất các sản phẩm hàng hóa nhất là khi hệ thống giao thông, điện nông thôn và thủy lợi được cải thiện sẽ là nhân tố tích cực cho các quyết định về trồng cây lâu năm (cây ăn quả, cây công nghiệp), cây ngắn ngày và cây lâm nghiệp phù hợp với quy mô trang trại có trên địa bàn huyện.

### **2.1.3. Đặc điểm xã hội**

#### ***a. Dân số và lao động***

Bảng 2.6 cho thấy, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm dần, từ 11,07% năm 2005 xuống 10,37% năm 2010 và tăng lên 12,49%. Nguồn lao động của huyện khá dồi dào. Số người trong độ tuổi lao động năm 2005 có 44.348 người đạt tỷ lệ 50,8%, tăng lên 44.212 người năm 2012 đạt tỷ lệ 50,32% so với tổng dân số. Số người lao động trong các ngành kinh tế năm 2005 có 44.172 người, đạt tỷ lệ 83,05% và tăng lên 44.072 người năm 2012, đạt tỷ lệ 82,54% so với tổng nguồn lao động của huyện.

#### ***b. Truyền thống văn hóa***

Người dân huyện Quảng Ninh có truyền thống sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là làm nghề nông, trồng lúa, chăn nuôi, các nghề thủ công truyền thống như làm chũm đót ở làng Phúc Duệ, xã Vĩnh Ninh... từ bao đời nay. Tuy nhiên, tập quán sản xuất lạc hậu trong nông nghiệp vẫn còn tồn tại nên trong những năm qua ít nhiều đã hạn chế đến phát triển nông nghiệp. Ngày nay, trong quá trình đổi mới và phát triển của đất nước người Quảng Ninh cũng luôn đi đầu trong học tập, tỷ lệ con em của huyện nhà vào đại học cao; trong lao động sản xuất có nhiều điển hình về chăn nuôi lợn, nuôi hươu, xây dựng kinh tế vườn đồi, vườn rừng, trồng cây công nghiệp... điều đó chứng tỏ con người Quảng Ninh có thể đủ khả năng tiếp cận với quá trình hội nhập trong nước và khu vực để xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

#### ***c. Đánh giá tác động của đặc điểm xã hội huyện Quảng Ninh đến phát triển kinh tế trang trại***

- Lợi thế và hạn chế về nguồn nhân lực
- Lợi thế và hạn chế về truyền thống văn hóa:

## 2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN QUẢNG NINH THỜI GIAN QUA

### 2.2.1. Thực trạng phát triển về số lượng trang trại

Từ bảng 2.7 ta thấy, trong 2 năm 2010-2011, tổng số trang trại giảm từ 112 xuống còn 31 trang trại là do thực hiện theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN&PTNT ngày 13/4/2011 Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận KTTT nên đa số các loại hình trang trại có trên địa bàn huyện Quảng Ninh ở thời điểm đó đều không đạt chuẩn, tập trung chủ yếu là loại hình TT thủy sản, TT lâm nghiệp (do không đủ diện tích và tổng thu nhập theo yêu cầu). Nhưng đến năm 2012, do có sự đầu tư về vốn và mở rộng được diện tích canh tác, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi nên số lượng trang trại tăng lên là 58 trang trại. Nhìn vào bảng 2.7, ta thấy hiện nay, KTTT trên địa bàn huyện Quảng Ninh đang phát triển mạnh nhất là loại hình TT chăn nuôi và tiếp theo là TT thủy sản và trang trại tổng hợp.

**Bảng 2.7: Số lượng, cơ cấu của từng loại hình trang trại qua các năm**

Loại hình trang trại	2010		2011		2012	
	Số lượng (TT)	Cơ cấu (%)	Số lượng (TT)	Cơ cấu (%)	Số lượng (TT)	Cơ cấu (%)
TT trồng trọt	6		3		4	
<i>TT trồng cây hàng năm</i>	5	4,46	2	6,45	3	5,17
<i>TT trồng cây lâu năm</i>	1	0,89	1	3,23	1	1,72
TT lâm nghiệp	28	25,00	4	12,90	4	6,90
TT chăn nuôi	12	10,71	13	41,94	32	55,17
TT thủy sản	57	50,89	7	22,58	10	17,24
TT tổng hợp	9	8,04	4	12,90	8	13,79
Tổng số	112	100	31	100	58	100

*Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Quảng Ninh 2010-2012*

## **2.2.2. Thực trạng các yếu tố nguồn lực**

### ***a. Đất đai***

Diện tích đất sử dụng cho sản xuất trang trại tăng nhanh trong thời gian qua. Quy mô sử dụng đất vào từng loại hình kinh tế trang trại phụ thuộc vào đối tượng sản xuất cần đất nhiều hay ít. Vì vậy, địa phương cần rà soát, quy hoạch vùng sản xuất gắn với đối tượng sản xuất cho phù hợp.

### ***b. Nguồn lao động***

Từ bảng 2.11 cho thấy, năm 2012 số lao động sử dụng trong trang trại là 633 lao động, trong đó trang trại lâm nghiệp sử dụng số lao động lớn nhất với 307 lao động chiếm 48,5% tổng số lao động, sử dụng ít lao động nhất là trang trại trồng trọt với 30 lao động, chỉ chiếm 4,74% tổng số lao động. Trong đó, sử dụng nhiều lao động thuê ngoài thời vụ, bình quân 48 người/trang trại. Như vậy, thực trạng lao động và sử dụng lao động của các trang trại mới ở quy mô nhỏ, sản xuất với trình độ thấp.

### ***c. Nguồn vốn đầu tư***

Xét về quy mô vốn, từ biểu bảng 2.12, nguồn vốn sản xuất kinh doanh của các trang trại trên 41 tỷ đồng, bình quân vốn của trang trại là 717,6 triệu đồng/trang trại, vốn tự có của chủ trang trại 21,33 tỷ đồng, trung bình 367,76 triệu đồng/trang trại, vốn vay là 20,29 tỷ đồng, trung bình 349,83 triệu đồng/trang trại. Xét về cơ cấu nguồn vốn, qua bảng 2.12 ta thấy nguồn vốn tự có, tích lũy của trang trại 21,33 tỷ đồng, chiếm 51,25% tổng nguồn vốn, vốn vay của chủ trang trại cao thấp hơn nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn là 20,29 tỷ đồng, chiếm 48,75% tổng nguồn vốn (chủ yếu vay từ các ngân hàng thương mại với lãi suất cao từ 10-12%/năm).



**Bảng 2.12: Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn của các trang trại năm 2012 (ĐVT: triệu đồng)**

TT	Mô hình trang trại	Tổng số	Vốn tự có		Vốn vay		Vốn đầu tư	
			Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Vốn XD cơ bản	Vốn đầu tư TT cho SX
1	TT Trồng trọt	2.080	1.300	62,50	780	37,50	920	1.160
2	TT lâm nghiệp	9.730	5.100	52,42	4.630	47,58	600	9.130
3	TT chăn nuôi	10.700	5.960	55,70	4.740	44,30	3.000	7.700
4	TT thủy sản	9.340	3.700	39,61	5.640	60,39	5.040	4.300
5	TT tổng hợp	9.770	5.270	53,94	4.500	46,06	3.500	6.270
	Tổng cộng	41.620	21.330	51,25	20.290	48,75	13.060	28.560

*Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Quảng Ninh*

#### **d. Khoa học – công nghệ**

Việc ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật mới, công nghệ sinh học trong phát triển trang trại nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đều có những bước phát triển và thu được kết quả nhất định.

#### **2.2.3. Thực trạng về liên kết sản xuất**

Việc liên kết sản xuất của các trang trại trên địa bàn huyện trong thời gian qua chưa phát triển. Vấn đề liên kết sản xuất kinh doanh giữa các trang trại với nhau, giữa trang trại với các nông lâm trường, với các hợp tác xã nông nghiệp được các chủ trang trại quan tâm đúng mức. Vì thế các trang trại gặp khó khăn trong việc mở rộng quy mô sản xuất, cũng như giải quyết các yếu tố đầu vào, đầu ra của trang trại còn nhiều bất cập, gây nhiều thiệt hại cho các chủ trang trại.

#### **2.2.4. Thực trạng về phát triển thị trường**

Qua khảo sát điều tra, sản phẩm hàng hoá của các trang trại chủ yếu tiêu thụ ở trên địa bàn huyện và tỉnh là chủ yếu, ngoài ra cung cấp cho nhà máy chế biến công nghiệp chiếm 75% số lượng hàng hoá. Trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp, lấy ngắn nuôi dài và nhiều đối tượng sản xuất nên bán một số hàng hoá nông sản cho người tiêu dùng chiếm tỷ trọng lớn.

#### **2.2.5. Thực trạng về kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh**

Qua bảng 2.15 ta thấy, trong năm 2012 giá trị sản xuất bình quân của 1 trang trại là 948,1 triệu đồng, trong đó trang trại có giá trị sản xuất cao nhất là trang trại chăn nuôi với hơn 15 tỷ đồng/năm, trung bình 488,4 triệu đồng/trang trại Trang trại có giá trị sản xuất thấp nhất là trang trại trồng trọt cụ thể là trang trại trồng cây lâu năm chỉ đạt giá trị là 582 triệu đồng. Về cơ cấu nguồn thu từ sản xuất kinh doanh của các trang trại cho thấy nguồn thu từ các trang trại chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản cũng khá đồng đều nhau. Trong đó tỷ trọng doanh thu từ các trang trại chăn nuôi cao nhất với 28,42%, thấp nhất là trang trại trồng cây lâu năm chỉ với 1,06%.

Chi phí sản xuất của các trang trại trên thực tế là chỉ tiêu rất khó xác định chính xác, vì đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và trình độ sản xuất của các trang trại mang tính trang trại gia đình, trình độ hạch toán kinh doanh của trang trại còn thô sơ, đơn giản và trình độ quản lý của chủ trang trại còn thấp nên việc điều tra, thu thập, tập hợp các khoản mục chi phí sản xuất gặp rất nhiều khó khăn

**Bảng 2.15: Doanh thu và chi phí của các trang trại năm 2012**

TT	Mô hình trang trại	Doanh thu		Chi phí		Thu nhập	
		Giá trị (tr.đồng)	%	Giá trị (tr.đồng)	%	Giá trị (triệu đồng)	%
		4.422		3.170		1.252	
1	TT trồng cây hàng năm	3.840	6,98	2.870	7,19	970	6,44
2	TT trồng cây lâu năm	582	1,06	300	0,75	282	1,87
3	TT lâm nghiệp	14.100	25,64	11.435	28,65	2.665	17,68
4	TT chăn nuôi	15.628	28,42	10.564	26,46	5.064	33,60
5	TT thủy sản	12.700	23,10	9.530	23,87	3.170	21,03
6	TT tổng hợp	8.140	14,80	5.218	13,07	2.922	19,39
	Cộng	54.990	100	39.917	100	15.073	100
	BQ/1 trang trại	948,1		688,2		259,9	

*Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Quảng Ninh*

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI HUYỆN QUẢNG NINH TRONG THỜI GIAN QUA**

### **2.3.1. Kết quả đạt được**

Khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất đai, lao động, vốn ... góp phần tăng thu nhập, giải quyết công ăn việc làm cho lao động trong gia đình và nông dân các vùng lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Phát triển kinh tế trang trại góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Quảng Ninh đã góp phần giải quyết công ăn việc làm gia đình, lao động xã hội và tăng thu nhập.

### **2.3.2. Tồn tại, hạn chế**

- Số lượng trang trại tăng chậm, hầu hết trang trại phát triển còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ. Số lao động thu hút tham gia sản

xuất trong các trang trại còn ít. Lao động thuê ngoài hầu hết là lao động phổ thông thiếu kỹ năng và hiểu biết về kỹ thuật chuyên môn.

- Nguồn vốn đầu tư trang trại còn ít, giá trị hàng hóa tăng chậm, hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại chưa cao. Khai thác tiềm năng vùng gò đồi, mặt nước chưa hiệu quả.

Chưa chủ động trong quá trình sản xuất kinh doanh còn phụ thuộc rất nhiều vào thị trường và điều kiện tự nhiên. Trang trại có quy mô lớn nhưng thiếu vốn, thiếu đầu tư công nghệ kỹ thuật.

### **2.3.3. Nguyên nhân của những mặt tồn tại, hạn chế**

#### ***a. Nguyên nhân từ phía chính quyền***

- Về chính sách hỗ trợ đối với loại hình kinh tế trang trại.
- Về công tác khuyến nông
- Về cơ sở pháp lý

#### ***b. Nguyên nhân từ bản thân các trang trại***

- Về vốn sản xuất kinh doanh.
- Về lao động trong các trang trại.
- Về khả năng tiếp cận thị trường.
- Về khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật – công nghệ trong sản xuất.

## **CHƯƠNG 3**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

#### **3.1. CÁC CĂN CỨ TIỀN ĐỀ ĐỂ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP**

##### **3.1.1. Xu hướng phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam**

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một chương trình được triển khai trên địa bàn cấp xã trong phạm vi cả nước nhằm phát triển nông thôn toàn diện, bao gồm nhiều nội dung liên quan đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, hệ thống chính trị cơ sở. Tuy nhiên, mục tiêu chủ yếu và xuyên suốt là nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh

thần của người dân nông thôn. Như vậy, vấn đề đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nói chung và các mô hình kinh tế trang trại nói riêng có hiệu quả ở nông thôn là 1 trong 19 tiêu chí để xem xét, đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

### **3.1.2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội và phát triển kinh tế trang trại của huyện Quảng Ninh**

#### **a. Căn cứ vào một số dự báo**

- Dự báo về dân số và lao động
- Dự báo về một số chỉ tiêu có tác động quy hoạch thời kỳ 2011-2020
- Dự báo phát triển của thị trường trong thời kỳ quy hoạch
- Dự báo một số nông lâm sản hàng hóa chủ lực của huyện

#### **b. Quan điểm, phương hướng và mục tiêu phát triển**

Xác định mục tiêu phù hợp với từng loại hình trang trại, nâng cao chất lượng, lấy trang trại thủy sản, tổng hợp, chăn nuôi làm đột phá về hiệu quả kinh tế; đề cao mục tiêu bảo vệ môi trường.

Tập trung nâng cao chất lượng các trang trại đã có; phát triển mới số lượng trang trại hợp lý ở các vùng; đa dạng các loại hình sản xuất kinh doanh của trang trại theo hướng tập trung, chuyên môn hoá, phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng; chú trọng khai thác vùng gò đồi và vùng cát ven biển.

### **3.1.3. Một số quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp.**

**a. Phát triển KTTT gắn với thu hút lao động nông thôn, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho người dân**

**b. Phát triển KTTT gắn với xây dựng nền NN bền vững**

**c. Phát triển KTTT đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái**

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN QUẢNG NINH**

### **3.2.1. Giải pháp phát triển số lượng trang trại**

- Đối với vùng đồng bằng: Phát triển các trang trại chăn nuôi, trang trại rau, hoa, cây cảnh nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của dân cư trong tiến trình đô thị hóa

- Đối với vùng ven biển, sông ngòi: Chú trọng phát triển các trang trại nuôi trồng thủy sản với các loại hình trang trại như nuôi cá

lòng, cá nước ngọt, phát triển các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Đối với vùng gò đồi, miền núi: Phát triển mạnh trang trại chăn nuôi gia cầm, gia súc, các trang trại kinh doanh tổng hợp, nông lâm kết hợp nhằm tạo việc làm và thu nhập thường xuyên, cũng như tận dụng được sức sản xuất của đất đai.

### **3.2.2. Giải pháp gia tăng các yếu tố nguồn lực**

#### **a. Giải pháp về đất đai**

- *Hoàn chỉnh quy hoạch đất đai*: quy hoạch khoanh vùng, lựa chọn mô hình kinh tế trang trại phù hợp với từng vùng sinh thái, đặc điểm tự nhiên của huyện và từng xã.

- *Đẩy nhanh quá trình tập trung đất đai*

#### **b. Giải pháp về lao động và nguồn lực**

Xây dựng chương trình nâng cao năng lực quản lý cho chủ trang trại và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động. Đồng thời, khuyến khích những người có chuyên môn, tay nghề cao trong các trang trại tự đào tạo nghề cho lao động trang trại mình, khuyến khích thành lập các câu lạc bộ, hiệp hội để các chủ trang trại có điều kiện trao đổi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

#### **c. Giải pháp về vốn**

Hình thành tổ chức tương trợ về vốn gồm 10-15 trang trại cùng đóng góp xây dựng một quỹ chung trích ra từ mỗi vụ thu hoạch, khi trang trại nào có nhu cầu thì có thể vay mượn quỹ chung này.

Cải tiến quan hệ giao dịch vay vốn giữa ngân hàng cho vay và chủ trang trại, làm sao để chủ trang trại có thể vay vốn không cần thế chấp tại ngân hàng theo quy định của chính phủ. Nên kiểm tra lại phương thức cho vay, trang thủ tục phiền hà, cung cấp tín dụng với lãi suất ưu đãi cho các trang trại mới thành lập.

#### **d. Giải pháp về khoa học công nghệ**

Khuyến khích và hỗ trợ các chủ trang trại mạnh dạn đầu tư nghiên cứu khoa học và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông, lâm nghiệp, tăng năng suất và chất lượng giống cây trồng, vật nuôi. Tăng cường công tác như khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y... để thực hiện việc hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp, phòng trừ sâu bệnh, phục vụ tưới tiêu... đến các trang trại.

### **3.2.3. Giải pháp tăng cường liên kết sản xuất các trang trại**

Hình thành các trang trại theo mô hình liên kết giữa trang trại với nông dân. Các trang trại trong cùng lĩnh vực phải liên kết và hợp tác với nhau, bên cạnh việc tìm kiếm hợp tác với những tổ chức kinh tế khác, nhằm chia sẻ kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

### **3.2.4. Giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của các trang trại**

- Đối với huyện Quảng Ninh:

Cần đảm bảo yếu tố đầu vào qua ký kết hợp đồng, cung ứng một cách kịp thời với giá cả thỏa đáng, tránh tư thương xen vào ép giá, nhằm tăng khả năng cạnh tranh của trang trại.

Xúc tiến tìm kiếm và giới thiệu thị trường, giá cả nông sản phẩm trong và ngoài nước cho các trang trại, tránh tình trạng ép giá của tư thương ở địa phương.

- Đối với chủ trang trại:

Tổ chức sản xuất dựa vào nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, của người tiêu dùng. Ký kết các hợp đồng tiêu thụ với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành nâng cao tính cạnh tranh các sản phẩm của trang trại.

### **3.2.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho từng loại hình trang trại**

#### ***a. Đối với trang trại trồng trọt***

Muốn các trang trại trồng trọt đạt năng suất và chất lượng cao thì yếu tố đầu tiên cần chú trọng là đất và nguồn nước. Vì vậy cần đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và chế biến sản phẩm TT trồng trọt bao gồm: hệ thống thủy lợi, phân bón, giống đảm bảo về mặt số lượng, chất lượng và cơ cấu.

#### ***b. Đối với trang trại lâm nghiệp***

Huyện cần tạo điều kiện cho các chủ trang trại tiếp cận và tranh thủ các nguồn vốn từ bên ngoài (các chương trình, dự án đầu tư cho miền núi, cho lâm nghiệp...) để tiếp tục mở rộng và đầu tư theo chiều sâu. Thực hiện giao đất, giao rừng, quy hoạch đất rừng dài hạn cho các hộ ở xã Trường Xuân, Trường Sơn. Kết hợp trồng rừng với

chăn nuôi đại gia súc nhằm tận dụng lợi thế vùng đồi núi.

**c. Đối với trang trại chăn nuôi**

- Chăn nuôi trâu, bò:

Đẩy nhanh công tác lai tạo đàn bò bằng cả hai phương pháp: Thụ tinh nhân tạo và nhảy trực tiếp. Quy hoạch lại vùng thụ tinh nhân tạo và vùng nhảy trực tiếp cho phù hợp trên địa bàn toàn huyện. Khuyến khích các hộ trồng cỏ nuôi bò nhốt để từng bước hình thành và phát triển phương thức chăn nuôi bò thâm canh, bán thâm canh. Khuyến khích phát triển bò trang trại ở các xã vùng đồi núi có tiềm năng, lợi thế.

- Chăn nuôi lợn:

Có chính sách khuyến khích hỗ trợ các hộ chăn nuôi trang trại phát triển để làm hạt nhân tạo con giống ổn định và có chất lượng cung cấp cho thị trường trong và ngoài huyện. Quy hoạch vùng chăn nuôi lợn nái ngoại gồm xã: Vĩnh Ninh, Gia Ninh, An Ninh...

- Chăn nuôi gia cầm, thủy cầm:

Gắn việc phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch H5N1 trong những năm tới với việc phát triển đàn thủy cầm theo hướng: Nâng cao chất lượng đàn gia cầm, thủy cầm bằng cách nhập các giống mới có tiềm năng để thay thế giống địa phương. Khuyến khích phát triển chăn nuôi ngỗng, ngan Pháp... Hình thành các trang trại chăn nuôi vịt ở các xã An Ninh, Vạn Ninh, Gia Ninh, Tân Ninh và trang trại chăn nuôi gà ở các xã dọc đường Hồ Chí Minh, Hải Ninh.

**d. Đối với trang trại thủy sản**

- Phát triển nuôi các loại thủy sản sạch như nuôi sinh thái, nuôi theo công nghệ sinh học, nuôi thủy sản không sử dụng các loại kháng sinh và hóa chất cấm sử dụng. Đầu tư quy hoạch chi tiết các vùng nuôi tập trung, các đối tượng nuôi chính và chủ lực.

- Phát triển các đối tượng nuôi chủ lực như tôm sú, cá rô phi. Giảm dần diện tích nuôi quảng canh, tăng diện tích nuôi bán thâm canh và thâm canh. Đa dạng hóa các đối tượng nuôi có tiềm năng như cá chẻm, cá mú, rô phi, ốc hương, cá lóc, cá chình, trê lai...

**e. Đối với trang trại tổng hợp**

Mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tăng tỷ trọng hàng



hoá, ưu tiên trồng các loại cây đặc sản trên đất nông nghiệp như rau thực phẩm, rau an toàn (phát triển mạnh ở xã Võ Ninh).

Đối với chăn nuôi lợn và gia cầm, cần có biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thực hiện mô hình BIOGAS nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là loại hình trang trại này đang được phát triển mạnh ở những khu vực trung tâm và đông dân cư sinh sống.

### **3.2.6. Giải pháp tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với KTTT**

- Nhà nước tăng cường khuyến khích phát triển và bảo hộ kinh tế trang trại, khuyến khích việc đầu tư khai thác và sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc ở trung du, miền núi, ...

- Nhà nước cần thực hiện nhất quán chính sách phát huy kinh tế tự chủ của hộ nông dân, phát triển kinh tế trang trại đi đôi với chuyển đổi hợp tác xã cũ, mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất - kinh doanh giữa các hộ nông dân, các trang trại, các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp

- Nhà nước phải hỗ trợ về vốn, KH-CN, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho các trang trại phát triển bền vững.

### **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

## KẾT LUẬN

Kinh tế trang trại ở Quảng Ninh cũng mới chỉ xuất hiện trong mấy năm gần đây, số lượng, cơ cấu loại hình có sự thay đổi do các nguyên nhân khác nhau, cả khách quan và nguyên nhân phía trang trại. Số lượng trang trại giảm, nhưng cơ cấu loại hình lại dịch chuyển theo hướng tích cực: phát triển mạnh các loại hình trang trại như chăn nuôi, sản xuất kinh doanh tổng hợp và trang trại thủy sản dựa trên điều kiện tự nhiên đã đang phát triển mạnh.

Kết quả sản xuất của các trang trại trong những năm qua của Quảng Ninh phản ánh trình độ phát triển và quy mô mới ở dạng dưới trung bình của toàn quốc. Hiệu quả sản xuất kinh doanh còn chưa cao. Còn có nhiều sự khác biệt giữa các loại hình trang trại, giữa các vùng sinh thái với nhau. Các trang trại khu vực trung tâm do điều kiện thuận lợi về giao thông, gần thị trường nên tổng giá trị sản xuất cao hơn hẳn các trang trại ở vùng khác. Trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp và trang trại chăn nuôi có kết quả sản xuất tính trên một năm cao hơn các loại hình khác.

Phát triển KTTT ở Quảng Ninh, con đường xoá đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa và các xã thuộc chương trình 135 để tạo ra cách làm ăn mới trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, góp phần thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Huyện.

Để phát triển mạnh KTTT Quảng Ninh theo hướng bền vững cần thực hiện tốt các giải pháp chung và giải pháp riêng cho từng trang trại. Chung quy lại đó là việc giải quyết các vấn đề mấu chốt sau: nâng cao trình độ về kiến thức quản lý kinh tế, kinh doanh, xây dựng kế hoạch, chiến lược cho trang trại, tạo niềm tin cho chủ trang trại trong quá trình đầu tư lâu dài trong chính sách quy hoạch đất đai, giải quyết vốn, đầu ra cho các trang trại.